

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Vũ Huy Phương	Ủy viên
Bà Dương Thị Thu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc Công ty
Ông Lưu Văn Đông	Giám đốc Nhà máy
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc Công ty

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Trần Đức Y

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022



Số: 52-22/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/03/2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Đoàn Tiến Hưng

Giám đốc

Nguyễn Tuấn Linh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1123-2018-153-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4021-2019-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP CẤU THÁP XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Đơn vị tính: VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		132.358.901.871	148.988.708.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		11.235.325.555	6.744.127.380
1	Tiền	111	V.01	11.235.325.555	6.744.127.380
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		36.580.905.927	81.617.332.743
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	40.506.037.030	88.095.921.873
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.564.218.364	1.858.812.616
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.884.003.079	1.598.496.655
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(8.373.352.546)	(9.935.898.401)
IV. Hàng tồn kho		140	V.07	81.338.712.727	56.143.091.574
1	Hàng tồn kho	141		81.338.712.727	56.143.091.574
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		3.203.957.662	4.484.156.316
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.876.712	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.848.538.450	4.257.690.350
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	255.542.500	226.465.966
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		26.488.067.293	33.903.601.086
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		21.228.240.139	28.431.753.148
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	21.228.240.139	28.431.753.148
	- Nguyên giá	222		62.807.749.478	67.181.213.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.579.509.339)	(38.749.460.090)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	V.02	4.572.000.000	4.572.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
2	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		360.000.000	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác		260		687.827.154	899.847.938
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	687.827.154	899.847.938
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		158.846.969.164	182.892.309.099

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Đơn vị tính: VND
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		88.323.479.854	110.381.836.697
I. Nợ ngắn hạn		310		88.323.479.854	110.381.836.697
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	33.328.845.393	57.977.158.501
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	28.169.488.030	26.161.381.860
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.316.830.758	1.591.569.720
4	Phải trả người lao động	314		3.453.836.264	3.999.566.387
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	45.454.545	54.545.455
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11.828.319.043	7.272.782.835
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	7.159.240.000	10.400.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.021.465.821	2.924.831.939
II. Nợ dài hạn		330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		70.523.489.310	72.510.472.402
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.16	70.523.489.310	72.510.472.402
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.606.628.702	16.606.628.702
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.725.350.790	7.712.333.882
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.725.350.790	7.712.333.882
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		158.846.969.164	182.892.309.099

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	238.997.160.615	372.349.887.540
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		238.997.160.615	372.349.887.540
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	223.935.106.788	354.066.064.072
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.062.053.827	18.283.823.468
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	303.114.387	746.979.104
7	Chi phí tài chính	22		140.449.315	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		140.449.315	-
8	Chi phí bán hàng	25	VI.06	2.454.538.595	3.134.151.096
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	5.577.149.203	6.722.816.002
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.193.031.101	9.173.835.474
11	Thu nhập khác	31	VI. 04	210.921.889	413.589.816
12	Chi phí khác	32	VI.05	64.203.736	11.329.178
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		146.718.153	402.260.638
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		7.339.749.254	9.576.096.112
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.614.398.464	1.863.762.230
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.725.350.790	7.712.333.882
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.272,30	1.713,85

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2020

Năm 2021

CHỈ TIÊU
Mã số
Thuyết minh

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.339.749.254	9.576.096.112
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02	5.784.548.256	5.980.852.781
- Các khoản dự phòng	03	(1.562.545.855)	506.664.463
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(460.169.634)	(1.014.169.187)
- Chi phí lãi vay	06	140.449.315	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.242.031.336	15.049.444.169
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	45.210.731.871	(16.661.429.881)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(25.195.621.153)	20.997.800.689
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(18.676.375.787)	(38.441.254.629)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	112.144.072	573.121.228
- Tiền lãi vay đã trả	14	(140.449.315)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.881.329.936)	(2.373.757.677)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(175.000.000)	(38.600.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.496.131.088	(20.894.676.179)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(331.980.000)	(4.907.698.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.098.800.000	267.190.083
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	303.114.387	412.179.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.069.934.387	(4.228.328.995)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.159.240.000	10.400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.400.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.834.107.300)	(6.597.808.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.074.867.300)	3.802.191.875
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	4.491.198.175	(21.320.813.299)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.744.127.380	28.064.940.679
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01 11.235.325.555	6.744.127.380

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Tổng Giám đốc



Trần Đức Y

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Nguyễn Thị Quyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc:

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Công ty chưa đánh giá lại số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư do công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do đơn vị này đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc

15 - 25

- Máy móc thiết bị

05 - 10

- Phương tiện vận tải

08 - 10

- Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 10

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí dụng cụ văn phòng, chi phí tham bê tông đường bãi, chi phí làm catalogue, chi phí sửa chữa cân điện tử, chi phí sửa chữa nhà xưởng chính và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước, các hợp đồng vay và các giấy nhận nợ. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng và kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản phí kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021. Đây là khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do sai sót của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ bán thanh lý tài sản cố định, tiền nhà của cán bộ công nhân viên và các khoản thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế giá trị gia tăng***

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công và hoạt động xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế..

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp**1. Tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	328.444.023	320.799.577
Tiền gửi ngân hàng	10.906.881.532	6.423.327.803
Cộng	11.235.325.555	6.744.127.380

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021			01/01/2021		
	Gia gốc	Dự phòng	Gia trị hợp lý	Gia gốc	Dự phòng	Gia trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.212.000.000	-	4.212.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000	-	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000	-	2.232.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Cộng	4.572.000.000	-	4.572.000.000	4.572.000.000	-	4.572.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/11/2021 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 14600425354, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

01/01/2021

VND

31/12/2021

VND

Dự phòng

Dự phòng

Giá trị

Dự phòng

Giá trị

a) Ngắn hạn

Vấn phòng Công ty

Công ty CARAT

Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát

Công ty CP May Nam Định

Công ty LEPRO - Chi nhánh Hà Nam

Công ty CP Đầu tư HICON

Công ty TNHH Đầu tư kỹ thuật xây dựng An Tín

Công ty ENPRAT

Công ty TNHH MTV Đầu tư & Xây dựng Hoàng Dân

Công ty CP Thương mại Thái Việt

Các đối tượng khác

Nhà máy

Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C

Công ty TNHH Tiến Dũng Việt Yên

Công ty TNHH công nghệ chính xác FUYU

Công ty TNHH DONGGUK VINA

Công ty TNHH DONGHUI

Công ty CP Xây dựng Bông sen vàng

Công ty ECOTECH Hưng yên

Công ty TNHH Xây dựng VINACON Nam Khánh

Công ty TNHH Han CCO VINA

Công ty TNHH Thiên Phú

Các đối tượng khác

1.946.494.078
1.533.779.121

(1.533.779.121)

1.370.714.804

-

1.682.756.812

1.248.551.100

239.650.698

1.028.662.027

1.109.958.075

5.975.721.575

1.144.330.215

35.113.021

2.329.718.130

6.114.083.616

3.001.365.963

1.293.238.000

633.583.013

922.844.410

1.212.513.595

9.629.452.855

88.095.921.873

(8.373.352.546)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(2.121.737.730)

(1.562.545.855)
(1.533.779.121)

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tò 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Vấn phòng Công ty</i>		
Công ty GOOLE ADWORDS	-	7.874.900
Trung tâm đầu thầu qua mạng Quốc gia	-	550.000
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	-	30.000.000
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất công nghiệp	35.414.621	35.414.621
<i>Nhà máy</i>		
Công ty CP Sản xuất & Thương mại Hoàng Đạt	-	370.000.000
Công ty CP Đầu tư công nghiệp Tây Nam Đô	163.000.000	163.000.000
Công ty CP Cơ khí chính xác VN-J	1.498.856.000	500.000.000
Công ty TNHH Xây lắp & Vận tải Tân Đạt	190.000.000	109.695.133
Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp Đăng Việt	-	343.221.664
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Green Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây lắp AKCHI	17.411.350	204.565.198
Các đối tượng khác	609.536.393	44.491.100
Cộng	2.564.218.364	1.858.812.616

5. Phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Vấn phòng Công ty</i>		
Phải thu khác	1.271.946.848	975.287.080
Nguyễn Xuân Tranh	26.150.000	26.150.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	669.600.000
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	45.000.000	45.000.000
Các khoản phải thu khác	531.196.848	234.537.080
Tạm ứng	17.380.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Hà	17.380.000	-
<i>Nhà máy</i>	594.676.231	623.209.575
Phải thu khác	178.395.051	181.456.275
Bảo hiểm phải thu của người lao động	108.030.106	100.496.718
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	29.735.907	36.108.068
Các khoản phải thu khác	40.629.038	44.851.489

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tạm ứng	416.281.180	-	441.753.300	-
Lê Văn Nhuận	4.995.000	-	5.000.000	-
Lê Quang Nam	-	-	16.800.000	-
Nguyễn Huy Hải	5.013.898	-	8.403.018	-
Các đối tượng khác	406.272.282	-	411.550.282	-
Cộng	1.884.003.079	-	1.598.496.655	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

31/12/2021		01/01/2021	
VND		VND	
Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán

Vấn phòng Công ty

Công ty CP ENZO VIET	365.928.468	-	365.928.468	-
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	-	1.533.779.121	-
Công ty Carat	-	-	1.946.494.078	383.948.223
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	326.643.514	1.028.662.027	326.643.514
Công ty Việt Phát	580.000.000	-	580.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung	485.534.325	-	485.534.325	-
Viện nghiên cứu cơ khí	171.189.300	-	171.189.300	-
Công ty CP Tập đoàn Sóng Thần	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ HICON	70.000.000	-	100.000.000	30.000.000
Các đối tượng khác	307.489.785	33.855.713	307.489.785	33.855.713

Nhà máy

Công ty CP Đầu tư phát triển Châu Á	414.867.067	300.000.000	414.867.067	300.000.000
Công ty TNHH DONGUK VINA	2.263.741.580	1.131.870.790	2.263.741.580	1.131.870.790
Công ty CP Xây dựng số 11	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	615.177.855	382.588.927	615.177.855	382.588.927
Công ty HASCO	105.616.481	52.808.241	105.616.481	52.808.241
Công ty TNHH Long Hải	76.011.000	-	76.011.000	-
Công ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	364.410.947	-	364.410.947	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các đối tượng khác	2.225.381.763	497.165.107	2.225.381.763	497.165.107
Cộng	11.417.789.719	3.044.437.173	13.394.283.797	3.458.385.396

7. Hàng tồn kho

31/12/2021		01/01/2021	
VND		VND	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	13.240.986.212	-
Công cụ, dụng cụ	-	100.853.814	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	42.801.251.548	-
Cộng	-	56.143.091.574	-

8. Chi phí trả trước

31/12/2021		01/01/2021	
VND		VND	
a) Ngắn hạn	99.876.712	99.876.712	-
Phí bảo hiểm xe ô tô	-	-	-
b) Dài hạn	687.827.154	687.827.154	899.847.938
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	104.827.438	104.827.438	241.391.865
Dụng cụ văn phòng	252.633.378	252.633.378	172.440.964
Thảm bê tông đường bãi	-	-	27.096.901
Chi phí sửa chữa cần điện tử	104.429.654	104.429.654	209.203.770
Chi phí làm catalogue	18.565.192	18.565.192	51.225.192
Chi phí sửa chữa nhà xưởng chính	-	-	88.273.100
Chi phí sửa chữa cầu trục	10.161.986	10.161.986	104.661.986
Sửa chữa tài sản cố định	194.468.947	194.468.947	-
Chi phí khác	2.740.559	2.740.559	5.554.160
Cộng	787.703.866	787.703.866	899.847.938

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công
-----------	------------------------	-------------------	---------------------	--------------------------	------

Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2021	14.338.148.142	43.498.065.550	9.057.481.819	287.517.727	67.181.213.238
Mua trong năm	-	296.980.000	-	35.000.000	331.980.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(568.163.760)	(4.137.280.000)	-	(4.705.443.760)
Số dư ngày 31/12/2021	14.338.148.142	43.226.881.790	4.920.201.819	322.517.727	62.807.749.478

Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	7.430.893.889	27.405.695.841	3.638.393.158	274.477.202	38.749.460.090
Khấu hao trong năm	521.431.384	4.410.498.085	839.821.983	12.796.804	5.784.548.256
Thanh lý, nhượng bán	-	(568.163.760)	(2.386.335.247)	-	(2.954.499.007)
Số dư ngày 31/12/2021	7.952.325.273	31.248.030.166	2.091.879.894	287.274.006	41.579.509.339

Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	6.907.254.253	16.092.369.709	5.419.088.661	13.040.525	28.431.753.148
Tại ngày 31/12/2021	6.385.822.869	11.978.851.624	2.828.321.925	35.243.721	21.228.240.139

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.397.737.397 VND;
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để đảm bảo các khoản vay có giá trị: Không có.

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Vấn phòng Công ty				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	327.568.411	327.568.411	327.568.411	327.568.411
Nhà máy				
Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	3.377.281.493	3.377.281.493	8.162.136.761	8.162.136.761
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng & Công nghiệp Việt Nam	89.450.904	89.450.904	3.641.274.331	3.641.274.331
Công ty CP Kỹ thuật & Thương mại SBC Việt Nam	1.225.192.971	1.225.192.971	1.796.602.962	1.796.602.962
Công ty TNHH Thép Nhật Quang	-	-	180.594.776	180.594.776
Công ty TNHH Ống thép 190	1.139.798.854	1.139.798.854	2.522.700.098	2.522.700.098
Công ty Thép Xuân Nam	416.295.995	416.295.995	297.597.478	297.597.478
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	-	-	-	-
Công ty CP Thương mại An Sang	-	-	938.555.200	938.555.200
Công ty CP Đầu tư phát triển Long Thái	700.000.000	700.000.000	4.255.399.718	4.255.399.718
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh VLXD & Thương mại Ngọc Thắng	4.672.786.593	4.672.786.593	5.771.111.548	5.771.111.548
Các đối tượng khác	5.244.335.849	5.244.335.849	13.947.482.895	13.947.482.895
Cộng	33.328.845.393	33.328.845.393	57.977.158.501	57.977.158.501

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nguyệt Ánh	-	1.500.000.000
Công ty TNHH Phương Liên	17.200.000.000	-
Các đối tượng khác	540.008.150	540.008.150
<i>Nhà máy</i>		
Công ty Ecotech Hưng Yên	-	3.476.000.000
Công ty TNHH Thiên Phú	7.537.839.176	2.325.628.467
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Cơ khí Hà Nội	1.896.643.600	-
Công ty TNHH DONGHUI	-	4.896.239.901
Công ty Hồng Hưng	-	2.670.724.789
Công ty VIDACO	-	3.500.000.000
Các đối tượng khác	994.997.104	7.252.780.553
Cộng	28.169.488.030	26.161.381.860

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021 Đơn vị tính: VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.583.762.230	1.614.398.464	1.881.329.936	1.316.830.758
Thuế thu nhập cá nhân	7.807.490	174.928.753	182.736.243	-
Tiền thuê đất	-	1.174.385.997	1.174.385.997	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.591.569.720	2.967.713.214	3.242.452.176	1.316.830.758

b) Phải thu

Thuế giá trị gia tăng	-	-	34.464.001	34.464.001
Thuế thu nhập cá nhân	226.465.966	146.072.911	134.316.497	214.709.552
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.368.947	6.368.947
Cộng	226.465.966	146.072.911	175.149.445	255.542.500

13. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Phí kiểm toán	45.454.545	54.545.455
Cộng	45.454.545	54.545.455

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND

a) Vay ngắn hạn

Vay cá nhân					
7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Bà Phạm Thị Huyền Linh (*)					
-	-	-	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Ông Lưu Văn Đông					
7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000	-	-	-
Cộng					
7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000

(*): Các khoản vay vốn tạm thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất: 3%/ năm tính từ ngày nhận tiền vay.

b) Các khoản vay là của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tò 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Văn phòng Công ty		
Kinh phí công đoàn	132.306.526	35.542.126
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	350.846.395	350.846.395
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Các khoản phải trả khác	869.208.618	451.397.867
Nhà máy		
Kinh phí công đoàn	525.693.252	684.732.195
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	2.372.482.285	2.372.482.285
Công ty CP Dệt may Kim Toan	3.500.000.000	-
Các đối tượng khác	1.475.838.336	775.838.336
Cộng	11.828.319.043	7.272.782.835

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2020	45.000.000.000	3.191.509.818	11.165.700.439	59.357.210.257
Lãi trong năm trước	-	-	7.712.333.882	7.712.333.882
Chia cổ tức	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(3.415.700.439)	(3.415.700.439)
Số dư ngày 01/01/2021	45.000.000.000	3.191.509.818	7.712.333.882	55.903.843.700
Lãi trong năm nay	-	-	5.725.350.790	5.725.350.790
Chia cổ tức	-	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(2.762.333.882)	(2.762.333.882)
Số dư ngày 31/12/2021	45.000.000.000	3.191.509.818	5.725.350.790	53.916.860.608

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tò 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	34.600.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.950.000.000	6.750.000.000

16.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

16.5 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702
Cộng	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Năm 2021, Công ty không trích lập bổ sung quỹ này.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2021		01/01/2021	
	Tiền USD		83,23	
			109,63	

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	238.997.160.615		372.349.887.540	
Cộng	238.997.160.615		372.349.887.540	

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	223.935.106.788		354.066.064.072	
Cộng	223.935.106.788		354.066.064.072	

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Lãi tiền gửi ngân hàng	65.514.387		115.179.104	
Cổ tức được chia	237.600.000		631.800.000	
Cộng	303.114.387		746.979.104	

4. Thu nhập khác

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ	157.055.247		267.190.083	
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	27.818.181		37.154.546	
Xử lý chênh lệch công nợ trong thanh toán	-		187	
Bán vật tư thừa so với kiểm kê thực tế	-		12.000.000	
Xử lý chênh lệch nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê	26.048.460		-	
Thu nhập khác	1		97.245.000	
Cộng	210.921.889		413.589.816	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	53.275.832	5.192.592
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	2.493.002	6.122.450
Xử lý chênh lệch công nợ trong thanh toán	8.434.902	14.136
Cộng	64.203.736	11.329.178

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân viên quản lý	7.139.695.058	6.975.422.260
Chi phí vật liệu quản lý	3.071.866.319	2.422.983.586
Chi phí đồ dùng văn phòng	585.759.068	581.564.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	306.816.261	186.015.160
Thuế, phí và lệ phí	908.711.093	713.439.832
Chi phí dự phòng	1.182.161.010	1.213.250.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	759.270.721
Chi phí bằng tiền khác	558.854.611	598.610.678
	525.526.696	500.287.903

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

Chi phí nhân viên	2.454.538.595	3.134.151.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.086.738.595	2.837.430.625
Chi phí bằng tiền khác	145.000.000	80.000.000
	222.800.000	216.720.471

c) Các khoản giảm chi phí QLDN phát sinh trong năm

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.562.545.855)	(252.606.258)
Cộng	8.031.687.798	9.856.967.098

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Cộng

211.611.556.851	250.963.311.823
23.314.726.122	23.643.103.404
5.784.548.256	5.980.852.781
14.967.642.612	78.363.841.296
2.194.997.594	2.689.996.366
257.873.471.435	361.641.105.670

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	239.511.196.891	373.510.456.460
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	239.089.357.920	372.878.656.460
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	421.838.971	631.800.000
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	232.171.447.637	363.934.360.348
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	231.755.204.128	363.559.845.308
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	416.243.509	374.515.040
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.334.153.792	9.318.811.152
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.466.830.758	1.863.762.230
Thuế TNDN bị truy thu bổ sung cho năm 2019 và 2020	147.567.706	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.614.398.464	1.863.762.230

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.725.350.790	7.712.333.882
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.725.350.790	7.712.333.882
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.272,30	1.713,85

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	Đơn vị góp vốn
Công ty CP Kết cấu thép số 5	Công ty liên kết
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Công ty liên kết

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
2.1 Mua hàng				
Công ty CP Kết cấu thép số 5	-		2.871.246.000	
2.2 Bán hàng				
Công ty CP Kết cấu thép số 5	-		2.871.246.000	
			644.767.500	
			644.767.500	
2.3 Số dư với các bên liên quan				
	31/12/2021	01/01/2021		
	VND	VND		VND

Các khoản phải thu**Phải thu khách hàng**

Công ty CP Kết cấu thép số 5

Phải thu khác

Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Các khoản phải trả**Phải trả người bán**

Công ty CP Kết cấu thép số 5

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Tổng Giám đốc



Trần Đức Y